

Số: /BC-UBND

Phường 2, ngày tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm (2021-2025) thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của UBND Phường 2

Phần I

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể CCHC: UBND phường đã kịp thời tổ chức học tập, quán triệt và phổ biến sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và các văn bản pháp luật quan trọng khác có liên quan đến cải cách hành chính. Nhìn chung, việc quán triệt Chương trình tổng thể CCHC nhà nước được thực hiện thường xuyên, đi vào chiều sâu, đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đến sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Sau khi học tập, quán triệt Chương trình tổng thể và các văn bản có liên quan lãnh đạo và CBCC đã nghiêm túc xây dựng kế hoạch triển khai thực đảm bảo tổ chức thành công nhiệm vụ CCHC đã đề ra.

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch CCHC hàng năm; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác CCHC của UBND phường: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch,...của tỉnh, thị xã về cải cách hành chính, UBND phường đã cụ thể hóa ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn¹ và hàng năm² của phường, trong đó đề ra giải pháp cụ thể phải thực hiện, phân định rõ trách nhiệm tham mưu

¹ Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước Phường 2 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

² Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 kèm theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 16/01/2023 của UBND phường về cải cách hành chính Nhà nước Phường 2 năm 2023; Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/01/2024 của UBND phường về cải cách hành chính Nhà nước Phường 2 năm 2024.

các bộ phận, công chức chuyên môn, thời hạn hoàn thành và kết quả, sản phẩm đạt được. Trên cơ sở kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn và hàng năm, UBND phường đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện đối với các ban ngành, khu phố, cụ thể từ năm 2021 đến nay, UBND phường đã ban hành 153 văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính³.

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực): Công tác CCHC trên địa bàn phường luôn được UBND, lãnh đạo UBND phường quan tâm, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh, Thị xã; đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC Phường 2 do đồng chí Chủ tịch UBND phường làm Trưởng ban, thành viên và Tổ giúp việc BCĐ là các công chức chuyên môn phụ trách các lĩnh vực; Ban Chỉ đạo CCHC có Quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm và quy định lề lối làm việc cụ thể⁴. UBND phường đã bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, nắm chắc quy trình giải quyết từng vụ việc cụ thể, ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin; thường xuyên cử công chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng cải cách hành chính để được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng tham mưu CCHC. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường đã được bố trí ở địa điểm, vị trí thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch; có đặt bảng hiệu Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả to, rõ ràng trước nhà làm việc; trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được UBND phường quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; đã ban hành Quyết định bố trí 04 công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND phường gồm: 01 Văn phòng – Thống kê, 01 Tư pháp – Hộ tịch, 01 Địa chính – Xây dựng và 01 Văn hóa – Xã hội (phụ trách LĐTĐ&XH). Hàng năm, UBND phường đã bố trí kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính với các nhiệm vụ như sau: Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ công tác cải cách hành chính; Chi tổ chức hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính; Chi thiết kế băng rôn, pano, khẩu hiệu để tuyên truyền về cải cách hành chính; Chi khen thưởng cho các

³ Năm 2021: 33 văn bản; Năm 2022: 21 văn bản; Năm 2023: 50 văn bản; Năm 2024: 29 văn bản; Năm 2025: 20 văn bản.

⁴ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND phường về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính Phường 2; Quyết định số 01/QĐ-BCĐCCHC ngày 03/4/2023 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc BCĐ CCHC Phường 2

tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động cải cách hành chính; Một số khoản chi khác phục vụ công tác cải cách hành chính: văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị và các chi phí khác phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Công tác theo dõi, đánh giá: Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành quy định đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính và văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Sở Nội vụ, UBND thị xã; hàng năm căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá chỉ số CCHC, UBND phường tổ chức tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC, cung cấp tài liệu kiểm chứng, giải trình theo quy định ở phạm vi chấm điểm của tỉnh. Từ năm 2021 đến 2024, Chỉ số CCHC của phường luôn xếp loại Tốt⁵. Hàng năm, sau khi UBND thị xã công bố chỉ số CCHC, UBND phường tổ chức hội nghị đánh giá chỉ số CCHC Thị xã đã công bố, rà soát những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC trong năm, triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của phường trong năm tiếp theo.

UBND phường thực hiện đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn người dân đánh giá mức độ hài lòng đối với cán bộ, công chức và cơ quan hành chính Nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính. Duy trì việc cập nhật phiếu đánh giá do cá nhân, tổ chức đến tham gia giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa lên trang Dịch vụ công trực tuyến tỉnh để theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ của công chức tiếp nhận và trả kết quả của phường. Thực hiện công văn số 1003/VP-NC ngày 03/6/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị về việc đánh giá giải quyết TTHC; theo đó, việc đánh giá giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị hiện nay không còn phù hợp; việc đánh giá của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử được thực hiện trực tiếp trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình, mô hình tốt trong CCHC đã được triển khai áp dụng: Từ năm 2021 đến 2024, UBND phường đã có 04 sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC được đưa vào áp dụng hiệu quả; Mô hình “*Cán bộ không chuyên trách tình nguyện hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4*” được Chủ tịch UBND thị xã công nhận tại Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 09/11/2021; Năm 2022, sáng kiến “*Những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính tại*

⁵ Năm 2021: 92,08 điểm, đạt 92,08%; Năm 2022: 88,46 điểm, đạt 89,35%; Năm 2023: 91,65 điểm, đạt 91,65%; Năm 2024: điểm thẩm định 82,43, điểm điều tra XHH 10,05, đạt 96,85%.

Phường 2, thị xã Quảng Trị” được Chủ tịch UBND thị xã công nhận tại Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 11/11/2022; Năm 2023, sáng kiến *“Tờ rơi tuyên truyền hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến”* được Chủ tịch UBND thị xã công nhận tại Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 21/11/2023; Năm 2024, UBND phường áp dụng có hiệu quả sáng kiến trong công tác cải cách hành chính *“Quét mã QR để tra cứu, khai thác tài liệu hội nghị, họp tại UBND Phường 2, thị xã Quảng Trị”* đã được Chủ tịch UBND thị xã công nhận tại Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 21/11/2024. Hiện tại, các sáng kiến tiếp tục áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

- Công tác thi đua khen thưởng trong CCHC: Đề động viên, khích lệ kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác CCHC; Hàng năm, tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN và Phát động phong trào thi đua yêu nước, UBND phường đã khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua thực hiện CCHC; đồng thời quán triệt các nội dung thi đua gồm: thi đua nhằm nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; thi đua thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước của Chính phủ, kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh, UBND Thị xã và Phường; thi đua trong công tác tuyên truyền cải cách hành chính, giáo dục, nâng cao nhận thức đối với cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, nâng cao vai trò giám sát của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện cải cách hành chính góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thi đua đề xuất các giải pháp, sáng kiến thiết thực, hiệu quả trong thực hiện cải cách hành chính.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Công tác kiểm tra CCHC được phường quan tâm, tổ chức thực hiện thường xuyên. UBND phường ban hành Kế hoạch và tự kiểm tra công tác CCHC hàng năm. Nội dung, hình thức kiểm tra được thay đổi linh hoạt để phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của từng năm. Từ năm 2021 đến năm 2024, đã tổ chức 04 đợt tự kiểm tra. Ngoài ra, Thường trực HĐND, UBMTTQVN và các đoàn thể phường thường xuyên phối hợp tổ chức giám sát công tác CCHC của UBND phường, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của phường. Qua công tác kiểm tra đã đánh giá được một cách khách quan những kết quả tích cực đã đạt được; đồng thời chỉ ra những mặt còn hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC như: việc thực hiện nhiệm vụ UBND thị xã giao; tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC; tỷ lệ phát sinh hồ sơ trực tuyến,...Sau các đợt kiểm tra, lãnh đạo phường đã chỉ đạo công chức chuyên môn kịp thời khắc phục và đưa ra những giải pháp thực hiện tốt hơn.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Công tác tuyên truyền CCHC luôn được phường quan tâm, triển khai quyết liệt, đồng bộ, tập trung chuyển tải những trọng tâm và quyết tâm CCHC của phường. Hàng năm, UBND phường ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC⁶; Trọng tâm tuyên truyền là đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính; chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, phát triển đô thị thông minh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thanh toán trực tuyến; chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, việc cung cấp các dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 của Chính phủ; 07 phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ căn cước công dân gắn chip hoặc trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thay thế cho việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công... UBND phường đã tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức phù hợp như: Ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai; thông qua các hội nghị; đưa nội dung thông tin về tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác CCHC vào các phiên họp định kỳ của UBND; tuyên truyền lưu động; tuyên truyền trực quan, hướng dẫn trực tiếp tại Bộ phận một cửa; phát tờ rơi; pa nô, khẩu hiệu; tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh phường, trên Trang thông tin điện tử; trên các ứng dụng số (Zalo, Facebook...). Trang thông tin điện tử của phường thông qua các chuyên mục CCHC, Tiếp cận thông tin đã đăng tải kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND phường về công tác CCHC, các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính,... để Nhân dân biết, theo dõi, giám sát việc thực hiện của các cơ quan hành chính Nhà nước. Từ năm 2021 đến 2025, có 05 bài trên báo Quảng Trị Online; 01 phóng sự trên Đài PTTH Quảng Trị; gần 100 tin, bài trên Trang TTĐT Phường 2; 12 bài trên trang mạng xã hội facebook (tài khoản Đoàn cơ sở Phường 2 và Đài Truyền thanh Phường 2); 20 đợt tuyên truyền lưu động về dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, định danh điện tử, căn cước công dân, phổ biến quy định về đăng ký xóa thường trú theo Luật Cư trú năm 2024; phát 1.000.000 tờ rơi tuyên truyền hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

- Bên cạnh đó, UBND phường thường xuyên phối hợp với UBMTTQ và các đoàn thể thực hiện công tác tuyên truyền sâu rộng tới tất cả hội viên, đoàn viên, các tầng lớp Nhân dân nắm được chủ trương của Nhà nước về công tác cải cách hành chính; phối hợp Đoàn Thanh niên phường tổ chức ra quân “Ngày Thứ 7 tình nguyện hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính giúp người dân”; kết quả đã giải quyết

⁶ Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 27/01/2021 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn phường 2 năm 2021; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 28/01/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn phường năm 2022; Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 31/01/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn Phường 2 năm 2023; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 31/01/2024 về tuyên truyền cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn Phường 2 năm 2024.

kip thời hơn 100 hồ sơ TTHC cho người dân, được người dân ghi nhận, đánh giá cao. Qua công tác tuyên truyền, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, người lao động, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, hiểu biết về quan điểm, mục tiêu, nội dung, sự cần thiết phải thực hiện CCHC và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh CCHC của Chính phủ, tỉnh, thị xã và phường.

- UBND phường đã chỉ đạo cán bộ, công chức tích cực tham gia các cuộc thi “Tìm hiểu cải cách hành chính thị xã Quảng Trị” do thị xã tổ chức⁷. Việc tham gia các cuộc thi góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính, ý thức, đạo đức, trách nhiệm trong thực thi công vụ.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

- Công tác CCHC của phường luôn được sự quan tâm đặc biệt của Đảng ủy, UBND phường; đã triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Hàng năm đã xây dựng Kế hoạch và giao nhiệm vụ cụ thể cho các ban ngành, bộ phận, công chức chuyên môn. Kết quả triển khai công tác CCHC của phường thể hiện qua Chỉ số CCHC từ năm 2021 đến 2024 phường luôn được xếp loại Tốt, đứng top đầu của các phường, xã trên địa bàn thị xã.

- Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra về cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên tạo kết quả chuyển biến thực sự và rõ nét về kỷ luật, kỷ cương hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số ban ngành, công chức chưa có sự vào cuộc, chưa quan tâm đúng mức, toàn diện đến công tác CCHC; chưa bám sát tiến độ các nhiệm vụ được giao; chưa có giải pháp, sáng kiến, mô hình, cách làm hay, tạo đột phá trong triển khai CCHC tại địa phương.

5. Thực hiện thống kê các chỉ tiêu của lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

(Đính kèm Phụ lục I)

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật cán bộ, công chức, viên chức và Hiến pháp (trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị

⁷ Năm 2023 đạt 01 giải Nhất tập thể, 01 giải Nhất cá nhân; năm 2024, đạt 01 giải Nhất, 02 giải Nhì và 01 giải Ba.

trường định hướng xã hội chủ nghĩa).

Từ năm 2021 đến tháng 4 năm 2025, HĐND và UBND phường không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật và đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được duy trì có nề nếp theo đúng quy định. Thực hiện Luật ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, hàng năm, UBND phường đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Qua rà soát hiện tại, HĐND và UBND Phường 2 không có văn bản quy phạm pháp luật nào còn hiệu lực.

- Thực hiện Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND thị xã Quảng Trị về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn thị xã Quảng Trị. UBND Phường ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 16/02/2023 về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn địa bàn Phường 2. Căn cứ vào các nội dung và thời gian thực hiện các nhiệm vụ trong kế hoạch, trong năm 2023, UBND Phường đã yêu cầu công chức các ngành thuộc UBND phường, Ban pháp chế HĐND Phường tiến hành tập hợp các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa và tập hợp kết quả rà soát văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa, thời gian thực hiện trước 30/5/2023. Kết quả, số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023 là 0 văn bản.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật: Công tác tổ chức thi hành pháp luật; năng lực phản ứng chính sách; công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thi hành pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật được quan tâm tổ chức thực hiện. Hàng năm, UBND phường đã ban hành Kế hoạch về theo dõi thi hành pháp luật, về xử lý vi phạm hành chính. Kịp thời triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 24/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 - 2022; tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Nhìn chung, công tác theo dõi thi hành pháp luật đã được quan tâm, chỉ đạo kịp thời góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ, ý thức của người dân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật. Tình hình vi phạm hành chính trên địa bàn có chiều

hướng giảm⁸; qua đó, cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân được nâng lên, công tác phòng ngừa, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật đã phát huy hiệu quả tích. Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo đúng mẫu, đầy đủ thông tin, đúng thời gian quy định.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật còn thiếu chủ yếu là kiêm nhiệm. Nguyên nhân: Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chưa được tập huấn sâu về nghiệp vụ, hầu hết là kiêm nhiệm đây là nguyên nhân ảnh hưởng không nhỏ đến công tác theo dõi thi hành pháp luật.

1.3. Thực hiện thống kê các nhiệm vụ của lĩnh vực cải cách thể chế.

(Đính kèm Phụ lục II)

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành và của tỉnh.

Kế hoạch CCHC Phường 2 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đặt mục tiêu đến năm 2025, đề xuất cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết TTHC so với quy định. Hàng năm, UBND phường chỉ đạo công chức thường xuyên rà soát TTHC trọng tâm thuộc lĩnh vực giải quyết của phường; Tăng cường thực hiện các giải pháp, sáng kiến nhằm đẩy mạnh cải cách quá trình giải quyết TTHC; rút ngắn quy trình xử lý, đơn giản hóa nội dung hồ sơ, cắt giảm thời gian và chi phí thực hiện TTHC được giải quyết trên thực tế so với trình tự, thời gian thực hiện TTHC được quy định tại các văn bản QPPL của Trung ương ban hành. qua rà soát về các yếu tố cấu thành, thành phần hồ sơ và các điều kiện thực hiện TTHC, hầu hết các thủ tục hành chính trên đều đảm bảo hợp lý, hợp pháp, phù hợp, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa đối với 02 TTHC⁹.

b) Về kiểm soát TTHC

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo các quy định của Chính phủ, của tỉnh: Công tác kiểm soát TTHC tiếp tục được chú trọng, hàng năm, UBND phường đã ban hành Kế hoạch về kiểm soát thủ tục hành

⁸ Lập Biên bản và ban hành Quyết định xử phạt VPHC: Năm 2021 xử phạt 05 trường hợp với số tiền 1.700.000đ; Năm 2022 không có trường hợp bị xử phạt VPHC; Năm 2023 xử phạt 10 trường hợp với số tiền 4.300.000đ; Năm 2024, xử phạt 07 trường hợp với số tiền 6.150.000đ;

⁹ Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: Thủ tục Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật (mã TT 1.001653.000.00.00.H50): Đề xuất giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết 40% so với quy định. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng: Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (Mã 1.012379.H50): Giảm thời gian giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết 50% so với quy định.

chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn phường năm 2024; đồng thời chỉ đạo đơn đốc, hướng dẫn các công chức thực hiện các nội dung kế hoạch kiểm soát TTHC đảm bảo chất lượng. Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh và văn bản chỉ đạo của UBND thị xã, UBND phường đã chỉ đạo công chức chủ động thực hiện rà soát, đánh giá TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý theo lĩnh vực, đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 trên địa bàn phường; rà soát TTHC được phân cấp; thực hiện phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ của phường. Bên cạnh đó, nhiều sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính được UBND phường triển khai áp dụng, tạo thuận lợi cho tổ chức, công dân đến giải quyết TTHC, nhận được sự đồng tình, ủng hộ của người dân như: mô hình “Cán bộ không chuyên trách tình nguyện hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, thực hiện dịch vụ công trực tuyến”

- Việc rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ theo quy định: UBND phường chỉ đạo công chức Bộ phận một cửa, công chức chuyên môn tiến hành lựa chọn các TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách có số lượng hồ sơ giải quyết nhiều trong năm, các TTHC rườm rà, phức tạp, bất hợp lý, gây khó khăn, cản trở cho quá trình giải quyết công việc đối với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Giao công chức VP-TK phụ trách kiểm soát TTHC chịu trách nhiệm đơn đốc, hướng dẫn các công chức chuyên môn thực hiện rà soát theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Có 146 TTHC nội bộ đang còn hiệu lực được thực hiện rà soát, đơn giản hóa; từ 2021-2025, UBND phường đã đề xuất đơn giản hóa 02 TTHC lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Thi đua khen thưởng.

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án 06 đảm bảo đúng quy định. Thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết TTHC phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai cung cấp các dịch vụ công thiết yếu bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Việc đối thoại, tổ chức lấy ý kiến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính: Thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Chương VI Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ. Nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc phản ánh kiến nghị về quy định hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, UBND phường đã thực hiện niêm yết, công khai địa

chỉ, hộp thư, số điện thoại cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân và tổ chức về thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ. Tiếp tục sử dụng tài khoản quản trị hệ thống tiếp nhận phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia do Văn phòng UBND tỉnh phân quyền để tổ chức tiếp nhận, xử lý, đăng tải công khai các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp theo quy định. UBND phường bố trí công chức Văn phòng – Thống kê, công chức đầu mối kiểm soát TTHC thực hiện tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị; phân loại, chuyển phản ánh, kiến nghị đến các ban, ngành trực thuộc hoặc chuyển đến các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền xử lý, trả lời. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo đúng quy trình quy định. Từ năm 2021 đến tháng 4/2025, UBND phường không tiếp nhận được phản ánh, kiến nghị nào về quy định hành chính, giải quyết thủ tục hành chính.

c) Công khai TTHC theo quy định của Chính phủ, của tỉnh. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công của tỉnh và khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Việc cập nhật, niêm yết, công khai thủ tục hành chính được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Các thủ tục hành chính sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố đã được niêm yết công khai đầy đủ, chính xác 100% (đến thời điểm tháng 4/2025, có 146 thủ tục thuộc 35 lĩnh vực) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên màn hình điện tử tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử phường, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân khi theo dõi, giám sát quá trình thực thi công vụ của công chức trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, khi nhận được các Quyết định của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC các lĩnh vực, UBND phường đã thực hiện việc niêm yết công khai và chỉ đạo các công chức chuyên môn liên quan triển khai thực hiện.

Tổng số thủ tục hành chính công khai niêm yết (146 thủ tục hành chính thuộc 35 lĩnh vực áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo các Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị. Ngoài ra, UBND phường thực hiện niêm yết 14 TTHC (05 lĩnh vực) thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã (theo Kế hoạch số 2289/KH-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về thực hiện QĐ 1291/QĐ-TTg); 02 dịch vụ công liên thông Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ mai táng.

d) Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tập trung đầu tư trang thiết bị, ứng dụng phần mềm một cửa điện tử kết nối với Cổng dịch vụ công (DVC) của tỉnh, Cổng DVC quốc gia. Thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (đất đai, tư pháp...).

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ năm 2021 đến tháng 4/2025: Có 128 DVCTT một phần và toàn trình được UBND phường áp dụng, trong đó phát sinh hồ sơ 20 thủ tục. Có 395 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình/ 575 hồ sơ tiếp nhận, đạt 69,21%. Có 12.155 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần/12.405 hồ sơ tiếp nhận, đạt 98%¹⁰.

¹⁰ Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến qua các năm:

+ Năm 2021: Tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 là: 20 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến /103TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3,4, đạt tỷ lệ 19,4%. Tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3 là: có 221 hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến /398 hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3, đạt tỷ lệ 55,52%. Tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4 là: có 1.221 hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến /3.797 hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4, đạt tỷ lệ 32,16%.

+ Năm 2022: Có 7 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (tổng số DVCTT mức độ 4) / 82 dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình (tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4) đạt tỷ lệ 8,53%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: có 3.932 hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến (hồ sơ trực tuyến của các DVCTT mức độ 3 và mức độ 4) / 4386 hồ sơ giải quyết (tổng số hồ sơ trực tuyến và trực tiếp) đạt tỷ lệ 89,64%. Tỷ lệ DVC trực tuyến mức độ cao triển khai trên Cổng dịch vụ công tỉnh: Có 82 DVCTT mức độ cao đã đăng ký triển khai trên Cổng dịch vụ công tỉnh (DVCTT mức độ 3 và mức độ 4 / 124 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tỷ lệ 66,12%.

+ Năm 2023: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: có 03 hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình/05 hồ sơ giải quyết của DVCTT toàn trình, đạt tỷ lệ 60%. Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến: có 17 DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến/20 DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ, đạt **tỷ lệ 85%**. Tỷ lệ hồ sơ DVCTT: có 1498 hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần /2148 hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC, đạt tỷ lệ 69,73%.

+ Năm 2024: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: có 119 hồ sơ trực tuyến toàn trình/120 hồ sơ cả trực tuyến và trực tiếp toàn trình, đạt tỷ lệ 99,16%. Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến: có 19 DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến/19 DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến: có 1775 hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần /1806 hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC, đạt tỷ lệ 98,28%.

+ Năm 2025: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: có 45 hồ sơ trực tuyến toàn trình/45 hồ sơ cả trực tuyến và trực tiếp toàn trình, đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến: có 21 DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến/21 DVCTT toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ hồ sơ DVC trực tuyến: có 267 hồ sơ trực tuyến của các DVCTT toàn trình và một phần/268 hồ sơ trực tiếp và trực tuyến của toàn bộ TTHC, đạt tỷ lệ 99,63%.

- Tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích: UBND phường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; kết quả từ năm 2021-2025 đã tiếp nhận và giải quyết 4.172 hồ sơ/13.246 hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 31,5%.

- Kết quả giải quyết TTHC từ năm 2021 đến tháng 4/2025¹¹:

+ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 13.246 hồ sơ; trong đó có: 4.172 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, dịch vụ bưu chính, đạt tỷ lệ 31,5%; 9.074 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, đạt tỷ lệ 68,5%.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 13.238 hồ sơ, trong đó: hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả trước hạn, đúng hạn: 13.238 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%; không có hồ sơ trễ hạn.

- Kết quả thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC; kết quả về mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC.

UBND phường thực hiện nghiêm túc đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn người dân đánh giá mức độ

¹¹ Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC qua các năm:

+ Năm 2021: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 4.481 hồ sơ, trong đó có: 3.039 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, dịch vụ bưu chính; 1.442 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến. Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 4.478 hồ sơ, trong đó: hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả trước hạn: 4.452 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,4%; đã giải quyết và trả kết quả đúng hạn: 26 hồ sơ đạt tỷ lệ 0,6%; không có hồ sơ trễ hạn; đang giải quyết trong hạn: 03 hồ sơ. Tổng số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 4.481/4.481 hồ sơ đạt 100%.

+ Năm 2022: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 4.389 hồ sơ (Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 58 hồ sơ; Chứng thực: 3.801 hồ sơ; Hộ tịch: 527 hồ sơ; Người có công: 03 hồ sơ); trong đó có: 452 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, dịch vụ bưu chính; 3.934 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; 03 hồ sơ kỳ trước chuyển qua. Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 4.385 hồ sơ, trong đó: hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả trước hạn: 4.348 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,16%; hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả đúng hạn: 37 hồ sơ đạt tỷ lệ 0,84%; không có hồ sơ trễ hạn; đang giải quyết trong hạn: 04 hồ sơ.

+ Năm 2023: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 2155 hồ sơ (Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 78 hồ sơ; Chứng thực: 1516 hồ sơ; Hộ tịch: 538 hồ sơ; Người có công: 22 hồ sơ; Giáo dục đào tạo: 01 hồ sơ); trong đó có: 653 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, dịch vụ bưu chính; 1498 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; 04 hồ sơ kỳ trước chuyển qua. Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 2151 hồ sơ, trong đó: hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả trước hạn: 2145 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,72%; hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả đúng hạn: 06 hồ sơ đạt tỷ lệ 0,28%; không có hồ sơ trễ hạn; đang giải quyết trong hạn: 08 hồ sơ.

+ Năm 2024: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 1957 hồ sơ (Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 71 hồ sơ; Chứng thực: 1368 hồ sơ; Hộ tịch: 475 hồ sơ; Người có công: 24 hồ sơ; Thi đua khen thưởng: 02 hồ sơ; Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sở - thẻ: 17); trong đó có: 27 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, dịch vụ bưu chính; 1926 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; 04 hồ sơ kỳ trước chuyển qua. Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 1957 hồ sơ, trong đó: hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả trước hạn, đúng hạn: 1957 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%; không có hồ sơ trễ hạn.

+ Năm 2025: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 264 hồ sơ (Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 12 hồ sơ; Chứng thực: 118 hồ sơ; Hộ tịch: 99 hồ sơ; Người có công: 11 hồ sơ; Thi đua khen thưởng: 02 hồ sơ; Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sở - thẻ: 16; Hộ tịch - Đăng ký thường trú - BTXH - NCC: 06 hồ sơ); trong đó có: 01 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, dịch vụ bưu chính (lĩnh vực chứng thực); 263 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến. Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 263 hồ sơ, trong đó: hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả trước hạn, đúng hạn: 264 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%; không có hồ sơ trễ hạn.

hài lòng đối với cán bộ, công chức và cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính. Duy trì việc cập nhật phiếu đánh giá do cá nhân, tổ chức đến tham gia giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa lên trang Dịch vụ công trực tuyến tỉnh để theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ của công chức tiếp nhận và trả kết quả của phường. Từ tháng 6/2023, thực hiện công văn số 1003/VP-NC ngày 03/6/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị về việc đánh giá giải quyết TTHC; theo đó, việc đánh giá của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử được thực hiện trực tiếp trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả đánh giá, tỷ lệ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cán bộ, công chức và cơ quan hành chính nhà nước đạt trên 98%.

- Tình hình triển khai thực hiện số hóa kết quả và hồ sơ giải quyết TTHC; kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: UBND phường đã thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021, gắn việc số hoá với việc thực hiện nhiệm vụ của công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hoá theo quy định. Từ năm 2021 đến năm 2025, có 7.048 hồ sơ đã số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ, đính kèm file và thực hiện luân chuyển điện tử/8.605 số hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 81,9%; có 4.721 hồ sơ có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử/8.587 số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định trả kết quả giải quyết bằng văn bản, giấy tờ, đạt tỷ lệ 55%¹².

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết TTHC.

Thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính

¹² Kết quả số hóa qua các năm:

+ Năm 2022: Số hóa thành phần hồ sơ: có 3.129 số hồ sơ đã số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ/4.386 số hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 71,34%. Số hóa kết quả giải quyết TTHC như sau: có 534 hồ sơ có số hóa kết quả/4.385 số hồ sơ đã giải quyết, đạt tỷ lệ 12,17%.

+ Năm 2023: Số hóa thành phần: có 1874 số hồ sơ đã số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ, đính kèm file và thực hiện luân chuyển điện tử/2151 số hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 87,12%. Số hóa kết quả: có 2142 hồ sơ có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử/2151 số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định trả kết quả giải quyết bằng văn bản, giấy tờ, đạt tỷ lệ 99,58%.

+ Năm 2024: Số hóa thành phần: có 1794 số hồ sơ đã số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ, đính kèm file và thực hiện luân chuyển điện tử/1804 số hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 99,16%. Số hóa kết quả: có 1794 hồ sơ có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử/1800 số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định trả kết quả giải quyết bằng văn bản, giấy tờ, đạt tỷ lệ 99,66%.

+ Năm 2025: Số hóa thành phần: có 251 số hồ sơ đã số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ, đính kèm file và thực hiện luân chuyển điện tử/264 số hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 95,08%. Số hóa kết quả: có 251 hồ sơ có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử/251 số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có quy định trả kết quả giải quyết bằng văn bản, giấy tờ, đạt tỷ lệ 100%.

và Chương VI Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ. Nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc phản ánh kiến nghị về quy định hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, UBND phường đã thực hiện niêm yết, công khai địa chỉ, hộp thư, số điện thoại cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân và tổ chức về thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ. Tiếp tục sử dụng tài khoản quản trị hệ thống tiếp nhận phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia do Văn phòng UBND tỉnh phân quyền để tổ chức tiếp nhận, xử lý, đăng tải công khai các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp theo quy định. UBND phường bố trí công chức Văn phòng – Thống kê, công chức đầu mối kiểm soát TTHC thực hiện tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị; phân loại, chuyển phản ánh, kiến nghị đến các ban, ngành trực thuộc hoặc chuyển đến các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền xử lý, trả lời. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo đúng quy trình quy định. Từ năm 2021 đến tháng 4/2025, UBND phường không tiếp nhận được phản ánh, kiến nghị nào về quy định hành chính, giải quyết thủ tục hành chính.

g) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách TTHC.

UBND phường tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tập trung tuyên truyền dịch vụ công trực bằng các hình thức: ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai; đưa nội dung thông tin về tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác CCHC vào các phiên họp định kỳ của UBND; thông qua các hội nghị, hội thi, tập huấn; tuyên truyền trực quan, hướng dẫn trực tiếp tại Bộ phận một cửa; tuyên truyền lưu động; trên Trang thông tin điện tử; hệ thống loa phát thanh phường; mạng xã hội.... Trang thông tin điện tử của phường thông qua các chuyên mục CCHC, Tiếp cận thông tin đã đăng tải kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND phường về công tác CCHC, các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính,... để Nhân dân biết, theo dõi, giám sát việc thực hiện của các cơ quan hành chính Nhà nước. Quán triệt, tuyên truyền Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; 07 phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ căn cước công dân gắn chip hoặc trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư thay thế cho việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công; UBND phường đã ban hành kế hoạch, quyết định thành lập Tổ công tác hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt chuyển đổi số tài khoản định danh điện tử; UBND phường thực hiện tuyên truyền bằng xe lưu động đến

từng khu dân cư trên toàn địa bàn phường, phát trên hệ thống loa phát thanh tại 5 khu phố; xây dựng 02 cụm pa nô tuyên truyền các tiện ích của Đề án 06, 25 dịch vụ công thiết yếu đặt tại trụ sở UBND phường và Công an Phường 2; huy động toàn bộ cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách, các hội đoàn thể phường về hướng dẫn trực tiếp tại nhà văn hóa khu phố, đồng thời đến từng hộ gia đình tuyên truyền, hướng dẫn người dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 1, mức độ 2; với phương châm đi “đi từng ngõ, gõ từng nhà, cầm tay hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến”. Năm 2023, đã xây dựng tờ rơi tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến và tổ chức ra quân phát tờ rơi, tuyên truyền hướng dẫn người dân thực hiện DVC trực tuyến.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Một số công chức chuyên môn chưa thật sự quan tâm và dành thời gian cho công tác rà soát, đánh giá TTHC; việc nhận thức vai trò, tầm quan trọng của hoạt động rà soát, đánh giá TTHC còn có phần hạn chế ảnh hưởng đến kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của phường hàng năm.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được UBND phường quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; tuy nhiên do ngân sách phường hạn chế nên chưa đáp ứng đầy đủ để phục vụ nhiệm vụ tại Bộ phận một cửa hiện nay.

2.3. Thống kê các chỉ tiêu của lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính theo Phụ lục III Báo cáo này.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của đơn vị, địa phương.

- Đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Quy chế làm việc của UBND phường theo Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 về ban hành Quy chế làm việc của UBND Phường 2, nhiệm kỳ 2021-2026, Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND Phường 2 về sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của UBND Phường 2, nhiệm kỳ 2021-2026; đã ban hành Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 về việc phân công nhiệm vụ đối với Chủ tịch, PCT và Ủy viên UBND Phường 2, nhiệm kỳ 2021-2026, thay thế Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND Phường 2.

- Công tác rà soát, kiện toàn về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức tiếp tục được thực hiện theo quy định. UBND phường đã bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức đáp ứng được vị trí việc làm gắn với chuyên môn nghiệp vụ. Phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hóa của đội ngũ công chức; đã ban hành Thông báo phân công nhiệm vụ

cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và hợp đồng lao động UBND Phường 2.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (thực hiện báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của địa phương và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

- HĐND, UBND phường đã thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương theo Luật định; tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân; HĐND làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số; UBND hoạt động theo chế độ tập thể, kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch UBND.

- Hoạt động của HĐND phường từng bước có sự đổi mới, các báo cáo trình kỳ họp chuẩn xác về số liệu, ngắn gọn, đầy đủ về mặt nội dung. Chuẩn bị và tổ chức các kỳ họp của Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của luật, đảm bảo về thời gian, nội dung và chất lượng kỳ họp. Phân công điều hành chủ tọa các kỳ họp được thực hiện tốt, nâng cao được tính nghiêm túc và tầm quan trọng của các kỳ họp. Số lượng đại biểu HĐND đăng ký tham gia phát biểu, thảo luận tại kỳ họp ngày càng tăng, nhiều ý kiến phát biểu trọng tâm, có chất lượng và đi sát vào thực tế của địa phương. Việc ban hành Nghị quyết của các kỳ họp HĐND được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đúng chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn, mang tính cụ thể hóa cao và sát với tình hình thực tế của địa phương. Đại biểu HĐND thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và tham gia tiếp xúc cử tri theo quy định.

- UBND phường được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, UBND phường đã xây dựng ban hành Quy chế làm việc và hoạt động đúng Quy chế. Đã ban hành chương trình công tác trọng tâm năm, có lịch công tác hàng tuần. Đồng thời, phối hợp với Thường trực HĐND, UBNDTTQVN và các đoàn thể ban hành Quy chế phối hợp hoạt động đảm bảo theo quy định. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND phường đã ban hành Quyết định phân công cụ thể các lĩnh vực phụ trách đối với Phó Chủ tịch, các Ủy viên UBND và toàn thể cán bộ, công chức, người lao động thuộc quyền quản lý.

- Trên cơ sở cơ cấu tổ chức và quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh, UBND, Chủ tịch UBND phường đã xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, phân công phụ trách để chỉ đạo, điều hành công việc theo đúng kế hoạch; đồng thời triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các lĩnh vực công tác. Thường xuyên tranh thủ ý kiến chỉ đạo của UBND Thị xã, sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn cấp trên đối với những nội dung còn vướng mắc. Tập trung giải quyết, phối hợp với cấp trên

giải quyết các vụ việc phức tạp kéo dài, kịp thời báo cáo Thường trực Đảng ủy, HĐND, phối hợp với UBMT và các đoàn thể để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát với tình hình thực tế. Sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND đã có nhiều đổi mới với các biện pháp chỉ đạo cụ thể, trong giải quyết công việc đã trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc giải quyết những khó khăn vướng mắc, xử lý các vụ việc đột xuất phát sinh ở cơ sở, những vấn đề bức xúc của Nhân dân.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan và kỷ luật, kỷ cương hành chính. Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đã kịp thời chỉ đạo: Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; về công khai, minh bạch thủ tục hành chính, chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong giải quyết thủ tục hành chính; duy trì cơ quan văn hóa xuất sắc; việc chấp hành thời gian làm việc;..., Đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về quy chế dân chủ, chi tiêu nội bộ, văn hóa công sở, công tác dân vận chính quyền. Tổ chức công khai, minh bạch các khoản đóng góp của nhân dân, quản lý và sử dụng có hiệu quả các khoản đóng góp; Rà soát, bổ sung hoàn chỉnh nội quy, quy chế làm việc của cơ quan; quán triệt, triển khai đến cán bộ, công chức, người lao động để thực hiện nghiêm các Chỉ thị của Chính phủ, Tỉnh, Thị xã về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, về văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; về nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức nhà nước, đeo thẻ công chức khi làm việc; cụ thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm thực hiện nguyên tắc: Cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm các quyết định của cấp trên. Quá trình tổ chức thực hiện đã mang lại kết quả bước đầu quan trọng, góp phần tăng cường các biện pháp xây dựng chính quyền, cơ quan hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh.

c) Về phân cấp quản lý

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và các văn bản chỉ đạo của UBND Thị xã, UBND phường đã thực hiện nghiêm túc các nội dung được phân cấp, ủy quyền trong quá trình điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh tại địa phương. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của UBND phường, Chủ tịch UBND phường đối với các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền được thực hiện thường xuyên, liên tục và mang lại hiệu quả cao. Việc thực hiện phân cấp, ủy quyền trên các lĩnh vực quản lý nhà nước trong thời gian qua đã góp phần thực hiện cải cách hành chính,

rút ngắn quy trình, giảm trung gian, giảm thủ tục và thời gian, nâng cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, đề cao vai trò quản lý trực tiếp của UBND phường trên địa bàn, tạo điều kiện cho các cán bộ, công chức chủ động trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định. Qua đó tạo sự đồng thuận, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn phường.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

- Số lượng công chức biên chế thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc, công chức phải kiêm nhiệm nên ảnh hưởng đến chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Kỹ năng tham mưu, xử lý công việc hành chính của một số cán bộ, công chức còn hạn chế.

3.2. Thống kê các chỉ tiêu của lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy theo Phụ lục IV Báo cáo này.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức đối với CBCCVC

- Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức theo quy định. Biên chế tại phường đã được bố trí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, vị trí việc làm. Công tác quản lý, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức đã được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, khách quan.

- Thực hiện tốt các quy định về xây dựng, thực hiện chính sách và giải pháp đổi mới công tác, quản lý, đánh giá, khen thưởng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức. Để làm tốt việc này, UBND phường đã có biện pháp khuyến khích, đãi ngộ, động viên, khen thưởng kịp thời những công chức nghiêm túc chấp hành giờ giấc, làm việc có năng suất, hiệu quả cao; đồng thời xử lý nghiêm những người vi phạm quy định của pháp luật, quy chế của UBND phường về thời gian làm việc.

- Việc đánh giá cán bộ, công chức được triển khai thực hiện theo Nghị định của Chính phủ, văn bản của tỉnh, của thị xã và của phường. Công tác quản lý, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, khách quan, đúng quy định. Đánh giá cán bộ, công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm được tổng hợp và báo cáo Phòng Nội vụ theo quy định.

- UBND phường quán triệt, chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức và người lao động tại cơ quan, đeo thẻ cán bộ, công chức trong giờ hành

chính, thực hiện các quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của CBCC theo quy định. Thường xuyên tự kiểm tra về kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan, trong kỳ báo cáo chưa có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Chỉ đạo cán bộ, công chức thường xuyên thực hiện cập nhật thông tin cán bộ, công chức trên Hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức tỉnh đảm bảo quy định nhằm phục vụ cho công tác quản lý, trích xuất báo cáo về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức của cơ quan theo đề nghị của cấp có thẩm quyền.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCC để nâng cao năng lực, chuyên môn phục vụ công tác luôn được quan tâm, chú trọng thực hiện; hàng năm, UBND phường đều ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Từ năm 2021-2025, UBND phường đã cử 18 cán bộ, công chức tham gia trên 200 lượt đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, quốc phòng – an ninh, lãnh đạo quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.

b) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức cấp xã

Số lượng, chất lượng CB, CC phường:

- Về số lượng: Toàn phường hiện có 18 Cán bộ, Công chức.

Cán bộ có 10 chức danh sau: Bí thư Đảng ủy: 01; Phó Bí thư TT Đảng ủy, Chủ tịch HĐND: 01; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND: 01; Phó chủ tịch HĐND: 01; Phó Chủ tịch UBND: 01; Chủ tịch UBMT: 01; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 01; Bí thư Đoàn Thanh niên: 01; Chủ tịch Hội LHPN: 01; Chủ tịch Hội Nông dân: 01.

Công chức có 08 chức danh sau: Văn phòng -Thống kê: 02; Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường: 02; Tài chính kế toán: 01; Chỉ huy trưởng Quân sự: 01; Văn hóa – Xã hội: 02. Thiếu 01 công chức Tư pháp – Hộ tịch, UBND phường thực hiện bố trí công chức Văn phòng – Thống kê kiêm nhiệm Tư pháp - Hộ tịch.

- Về chất lượng: Cán bộ, công chức đang công tác tại phường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100% (18/18 CBCC) theo quy định; trong đó trình độ Thạc sỹ: 02/18 tỷ lệ 11,1%; Đại học: 16/18 tỷ lệ 88,9%; Tỷ lệ đạt chuẩn: 100%. Trình độ Lý luận chính trị: 03 Cao cấp; 13 Trung cấp; 02 sơ cấp.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Một số cán bộ, công chức chưa chấp hành nghiêm Quy chế làm việc; việc tham mưu thực hiện các nhiệm vụ được giao còn chậm, chưa chất lượng, hiệu quả gây ảnh hưởng đến công tác lãnh chỉ đạo của phường.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ của một số cán bộ, công chức còn hạn chế do nhận thức chưa cao.

4.3. Thực hiện thống kê các chỉ tiêu của lĩnh vực cải cách chế độ công vụ theo hướng dẫn tại Phụ lục VI Đề cương này.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả đạt được

- Xây dựng và cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công: UBND phường đã ban hành và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, chấp hành đúng chính sách chế độ và các quy định về tài chính; thường xuyên cập nhật, bổ sung quy chế theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công, chấp hành đúng chính sách chế độ và các quy định về tài chính.

- Việc công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định: UBND phường đã xây dựng dự toán ngân sách, ban hành quyết định phân bổ dự toán thu chi ngân sách hàng năm; Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định về tài chính công. Công tác tài chính đảm bảo thực hiện nghiêm túc đúng luật Luật Ngân sách. Chi ngân sách đảm bảo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chính trị của địa phương. Thực hiện công khai dự toán ngân sách, kế hoạch mua sắm tài công; tiến hành niêm yết công khai dự toán và công khai kế hoạch mua sắm tài sản theo dự toán hàng năm theo quy định.

Việc công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao thuê tài sản công tại phường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Việc thực hiện tự chủ về tài chính tại UBND cấp xã: UBND Phường triển khai thực hiện Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND thị xã về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với UBND các phường, xã trên địa bàn thị xã giai đoạn 2023-2025.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Phân bổ ngân sách có lúc chưa hợp lý, dẫn đến tình trạng các khoản chi được sử dụng chưa mang lại hiệu quả cao, một số chương trình mục tiêu được phân bổ vốn nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra.

- Một số khoản chi định mức thấp, qua nhiều năm áp dụng vẫn chưa được sửa đổi. Trong khi đó giá cả thị trường ngày càng tăng dẫn đến khó khăn trong công tác điều hành ngân sách tại địa phương.

- Chưa có hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu tài chính công hiệu quả giữa phường và các cơ quan như Kho bạc, Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã.

5.3. Thống kê các chỉ tiêu của lĩnh vực cải cách tài chính công theo Phụ lục VII Đề cương này.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin.

UBND phường đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước Phường 2 năm 2021 và giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử hướng đến chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động cơ quan Nhà nước hàng năm; Kế hoạch phát triển Chính quyền điện tử, hướng đến chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh hàng năm¹³; thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số Phường 2 (Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 16/3/2023); Chỉ đạo các ban ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển dữ liệu, phát triển ứng dụng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến... phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Trang thiết bị phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin đã được UBND phường quan tâm đầu tư, mua sắm và trang bị đáp ứng được yêu cầu sử dụng của cán bộ, công chức trong toàn phường. Trong đó, 100% CB, CC (18/18 người) đã được trang bị máy vi tính được kết nối đường truyền Internet tốc độ cao, đã kết nối và sử dụng mạng nội bộ (LAN) để trao đổi công việc; 100% CB, CC (18/18 người) thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành, tham mưu xử lý công việc. Thực hiện xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo đúng quy trình từ khâu tiếp nhận văn bản, chuyển xử lý, tạo lập hồ sơ, trình qua các cấp thẩm quyền phê duyệt và ký số văn bản trên Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ <https://vpdt.quangtri.gov.vn>; xử lý hồ sơ thủ tục hành chính qua phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tổ chức thực hiện các phần mềm Dịch vụ công trực tuyến, Hộ tịch, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, thu phí bằng biên lai điện tử, thanh toán trực tuyến; 100% cán bộ, công chức phường được cấp tài khoản thư điện tử và thường xuyên sử dụng tài

¹³ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 28/01/2021 về ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của phường năm 2021 và giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 08/02/2023 về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến chuyển đổi số Phường 2 đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 03/3/2023 về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số năm 2023; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 11/3/2024 về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 24/01/2025 về thực hiện Đề án phát triển Chính quyền điện tử, hướng đến chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn Phường 2 năm 2025; Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 07/02/2025 về ứng dụng công nghệ thông tin phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động cơ quan Nhà nước Phường 2 năm 2025.

khoản công vụ để trao đổi công việc và gửi nhận văn bản điện tử qua mạng.

- Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử: 100% văn bản đi, đến của UBND phường đều được phát hành điện tử gửi nhận qua mạng, trừ văn bản mật và văn bản khác theo quy định.

- UBND phường ứng dụng có hiệu quả chữ ký số chuyên dùng trong công tác chỉ đạo điều hành và gửi nhận văn bản trên môi trường mạng. 100% lãnh đạo UBND phường đều sử dụng chữ ký số để ký số văn bản điện tử trước khi phát hành. Văn bản do UBND phường ban hành đều được thực hiện bằng chữ ký số của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và gửi nhận qua mạng, trừ văn bản mật và văn bản khác theo quy định.

- UBND phường đã nghiêm túc triển khai thực hiện lưu trữ hồ sơ, thủ tục hành chính điện tử; lưu trữ điện tử hồ sơ công việc trên Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tỉnh Quảng Trị.

- UBND phường vận hành có hiệu quả Trang thông tin điện tử phường; Trang thông tin điện tử phường đáp ứng yêu cầu về nội dung, cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của UBND phường được duy trì, đảm bảo. UBND phường bố trí phòng họp trực tuyến với các trang thiết bị: Máy tính kết nối mạng, màn hình, hệ thống âm thanh, mic đảm bảo công tác kết nối đường truyền và chỗ ngồi dự họp khi tham gia các hội nghị trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận một cửa, như: Bố trí người hoạt động không chuyên trách hỗ trợ nộp, thanh toán trực tuyến.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Hệ thống CNTT chưa đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số.

- Nguồn nhân lực CNTT tại địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu vận hành và khai thác các hệ thống số.

- Công tác tuyên truyền, bồi dưỡng tập huấn cho người dân về kỹ năng số còn chưa được quan tâm đúng mức.

- Kinh phí phục vụ cho chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin còn chưa đáp ứng yêu cầu.

6.3. Thống kê các chỉ tiêu của xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số theo Phụ lục VIII Báo cáo này.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CCHC TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Công tác CCHC được UBND phường tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện xuyên suốt, bám sát kế hoạch CCHC của tỉnh, thị xã, để triển khai có hiệu quả, đạt

mục tiêu đề ra. UBND phường đã tập trung chỉ đạo thực hiện kịp thời, đồng bộ trên 06 nhiệm vụ về CCHC. Trong quá trình triển khai CCHC có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, công chức chuyên môn. Ý thức trách nhiệm trong tổ chức thực hiện CCHC của cán bộ, công chức tiếp tục tăng cường; kỷ luật, kỷ cương CCHC tiếp tục duy trì tốt. Tình hình, kết quả thực hiện CCHC được theo dõi, đánh giá thường xuyên, chú trọng kết quả, hiệu quả thực chất, từ đó đã triển khai thực hiện kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Kết quả triển khai CCHC của phường thể hiện qua Chỉ số CCHC trong 04 năm qua luôn được xếp thứ hạng cao trên địa bàn thị xã.

- Chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ngày một nâng cao và đổi mới giải quyết TTHC theo hướng phi địa giới hành chính; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các giao dịch, giảm thời gian, chi phí giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức bộ máy được sắp xếp đúng quy định. Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở phường, khu phố theo quy định. Thực hiện có hiệu quả, đảm bảo tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được nhiều thành tựu quan trọng đã góp phần thay đổi diện mạo nền hành chính, phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Số lượng công chức biên chế thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc, công chức phải kiêm nhiệm nên ảnh hưởng đến chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Nguồn lực dành cho CCHC, chuyển đổi số, chính quyền số còn hạn chế do ngân sách địa phương còn khó khăn; dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến chưa thực sự tiện ích và thuận lợi cho người dân, tổ chức sử dụng.

- Chưa có chế độ đãi ngộ đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã để tạo động lực làm việc, cống hiến.

3. Thống kê đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu CCHC giai đoạn 2011-2025 theo Phụ lục IX Báo cáo này.

Phần II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

Căn cứ vào kết quả giai đoạn 2021-2025; chủ trương, đường lối của Đảng, từ yêu cầu CCHC và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất

nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thiết mà Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về cải cách thể chế

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, phù hợp với quy định mới của pháp luật mới ban hành và điều kiện thực tế của địa phương.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật:

+ Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng, ban hành và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi, minh bạch, ổn định và phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

+ Đề cao trách nhiệm của bộ phận chủ trì trong quá trình xây dựng thể chế; quan tâm, coi trọng công tác tổng kết, đánh giá thực tiễn, tham vấn ý kiến chuyên môn và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm nâng cao chất lượng các thể chế ban hành.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật:

+ Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm.

+ Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

+ Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Tổ chức lấy ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và xây dựng cơ chế giám sát thi hành pháp luật. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng của địa phương; tuyên truyền và hướng dẫn để nhân dân giám sát hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

- Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, tư pháp, bảo trợ xã hội. Rà soát, trình cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ

các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính thủ tục hành chính nội bộ cơ quan hành chính nhà nước; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ số để cải tiến mọi quy trình, thủ tục của cơ quan hành chính. Giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (bao gồm cả giải quyết thủ tục hành chính không theo địa giới hành chính); chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi trên môi trường mạng; số hóa kết quả thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Đổi mới các hình thức công khai thủ tục hành chính, nghiên cứu hình thức sơ đồ hóa quy trình các bước thực hiện thủ tục hành chính để doanh nghiệp dễ hiểu, dễ tiếp cận. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định 486/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Củng cố, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của Bộ phận một cửa phường cho phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số. Nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị đối với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính không để tình trạng kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

- Nghiên cứu, phân cấp, phân quyền trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho Nhân dân.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương thức làm việc và công tác chỉ đạo, điều hành để nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân của cơ quan hành chính nhà nước, cải thiện chỉ số mức độ hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp và người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Về cải cách chế độ công vụ

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao theo yêu cầu trong tình hình mới. Trên cơ sở vị trí việc làm đã được phê duyệt, tổ chức rà soát, bố trí hợp lý người làm việc đảm bảo theo đúng trình độ đào tạo và năng lực; đưa vào danh sách tinh giản biên chế đối với các trường hợp dôi dư theo vị trí việc làm hoặc có trình độ đào tạo không phù hợp nên không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Kịp thời rà soát, tổ chức triển khai thực hiện các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức; chú trọng công tác bố trí cán bộ, công chức theo đúng cơ cấu vị trí việc làm góp phần tạo động lực cho cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ công vụ.

- Sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức và thực hiện cơ chế quản lý, chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách đúng quy định, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Thực hiện đúng quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo các quy định của pháp luật.

5. Về cải cách tài chính công

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật. Ưu tiên bố trí một phần kinh phí để thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên các công trình trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Quản lý hiệu quả tài sản công. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và xử lý công việc. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử phương hướng tới xây dựng chính quyền số đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng chính quyền. Triển khai xây dựng mô hình đô thị thông minh trên địa bàn (nếu có đủ điều kiện).

- Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, quy trình xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; tăng cường gửi nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số, thực hiện số hóa, lưu trữ hồ sơ công việc của cơ quan theo quy định. Phấn đấu đến năm 2025, sử dụng các chức năng về hồ sơ công việc, trình, xử lý văn bản hoàn toàn trên môi trường mạng, chuyển dần sang phương thức xử lý công việc không giấy tờ.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Phần III

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị quan tâm đầu tư nguồn lực cho CCHC, chuyển đổi số, chính quyền số.

2. Đề nghị cấp trên quan tâm, có chính sách hỗ trợ đối với công chức làm việc tại Bộ phận một cửa cấp xã.

Trên đây là báo cáo sơ kết 05 năm (2021-2025) thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của UBND Phường 2, thị xã Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã;
- Phòng Nội vụ thị xã;
- CT, PCT UBND phường;
- Công chức chuyên môn;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Bình

Phụ lục I
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CỦA LĨNH VỰC CHỈ ĐẠO,
ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	33	21	50	29	20	32
1.1	Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Thông báo của Ban Cán sự/Đảng ủy						
1.2	Quyết định, Chỉ thị, Kết luận, công văn chỉ đạo, quán triệt	33	21	50	29	20	32
2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm						
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	38	44	48	45	42	42
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn hành	38	44	48	45	19	42
3	Kiểm tra CCHC						
3.1	Số đơn vị kiểm tra	01	01	01	01	01	01
3.2	Tỷ lệ xử lý vấn đề qua kiểm tra	100%	100%	100%	100%	100%	100%
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	02	02	02	02	02	02
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	100%	100%	100%	100%	100%	100%
4	Tuyên truyền CCHC						
4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC <i>(Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)</i>	1	0	0	0	0	0
4.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh	1	0	1	0	0	0
4.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC						
4.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh <i>(Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)</i>	1	1	1	1	1	1
4.5	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	Phát tờ rơi; Tuyên truyền lưu động; Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, pa nô, khẩu hiệu,..	Phát tờ rơi; Tuyên truyền lưu động; Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, pa nô, khẩu hiệu,..	Phát tờ rơi; Tuyên truyền lưu động; Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, pa nô, khẩu hiệu,..	Phát tờ rơi; Tuyên truyền lưu động; Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, pa nô, khẩu hiệu,..	Phát tờ rơi; Tuyên truyền lưu động; Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, pa nô, khẩu hiệu,..	Phát tờ rơi; Tuyên truyền lưu động; Tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, pa nô, khẩu hiệu,..
5	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	1	1	1	1	1	1
6	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá						

	CCHC các cơ quan, đơn vị						
6.1	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành						
6.2	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện						
6.3	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã						
6.4	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương						
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân						
7.1	Số lượng phiếu khảo sát	1399	1138	611	275	264	
7.2	Hình thức khảo sát	Trực tiếp	Trực tiếp	Trực tiếp	Trực tiếp, trực tuyến	Trực tuyến	
7.3	Mức độ hài lòng chung	Rất hài lòng	Rất hài lòng	Rất hài lòng	Rất hài lòng	Rất hài lòng	
8	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	02	02	02	02	02	02
9	Thực hiện nhiệm vụ UBND thị xã giao						
9.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	11	6	4	17	9	
9.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	11	2	3	15	8	
9.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	0	4	3	2	1	
9.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0

Phụ lục II
THỐNG KÊ CÁC NHIỆM VỤ CỦA LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỂ CHẾ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tinh đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành		0	0	0	0	0
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	0	0	0	0	0
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	0	0	0	0
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh						
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra						
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra						
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
3	Rà soát VBQPPL		0	0	0	0	0
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh						
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát						
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát						
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
4	Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền		0	0	0	0	0
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý		0	0	0	0	0
6	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật		0	0	0	0	0

Phụ lục III
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CỦA LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tinh đến 31/3)
1	Thống kê TTHC					
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	0	0	0	0	0
1.2	Số TTHC công bố mới					
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế					
1.4	Tổng số TTHC của tỉnh					
1.4.1	<i>Số lượng TTHC cấp tỉnh</i>					
1.4.2	<i>Số lượng TTHC cấp huyện</i>					
1.4.3	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>	138	137	134	135	146
2	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang Thông tin điện tử	138	137	134	135	146
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
3.1	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành					
3.2	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện					
3.3	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	138	137	134	135	146
3.4	Số TTHC liên thông cùng cấp					
3.5	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	0	0	2	2	2
3.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính					
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp tỉnh giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	100%	100%	100%	100%	>99%
5	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC	0	0	0	0	0
5.1	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm					
5.2	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm					
5.3	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT					
6	Số hóa hồ sơ					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải	50%	TPHS: 71,34%;	TPHS: 87,12%;	TPHS: 99,16%;	TPHS: 95,08%;

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tinh đến 31/3)
	quyết TTHC		KQ 12,17%	KQ 99,58%	KQ 99,66%	KQ 100%
6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa					
6.3	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử	0	12,17%	99,58%	99,66%	100%

Phụ lục IV
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CỦA LĨNH VỰC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Các số, ban, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tinh đến 31/3)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
1.1.	Số sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.2.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.3.	Số UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.4.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.5.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh					
1.6.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập					
2	Số liệu về biên chế công chức					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	19	19	19	19	19
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	19	19	19	18	18
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	0	0	0	0	0
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong năm	0	0	0	0	0
2.5.	Tỷ lệ % biên chế công chức đã tinh giản so với 2015	0	0	0	0	0
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
3.1.	Tổng số người làm việc được giao					
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo					
3.3.	Số người đã tinh giản trong năm					
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với 2015					

Phụ lục VI
THÔNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CỦA LĨNH VỰC CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tinh đến 31/3)
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức					
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra					
2	Tuyển dụng công chức, viên chức					
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	0	0	0	0	0
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	0	0	0	0	0
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	0	0	01	0	0
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).					
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.					
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	0	0	0	0	0
4	Số lượng CBCCVC bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	0	0	0	0	0
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.					
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.					
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.					
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.					
5	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm					
6	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng					

Phụ lục VII
THÔNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CỦA LĨNH VỰC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công					
1.1.	Kế hoạch được giao	1.198.020.000đ	1.291.261.000đ	467.069.000đ	677.000.000đ	0
1.2.	Đã thực hiện	1.198.020.000đ	1.291.261.000đ	467.069.000đ	677.000.000đ	0
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					
3	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương					
3.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư					
3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên					
3.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên					
3.3.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên					
3.3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% -					

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
	<i>dưới 70% chi thường xuyên</i>					
3.3.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>					
3.4.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
3.5.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					

Phụ lục VIII
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CỦA LĨNH VỰC XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tinh đến 31/3)
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	x	x	x	x	x
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>	Liên thông 3 cấp	Liên thông 3 cấp	Liên thông 3 cấp	Liên thông 3 cấp	Liên thông 3 cấp
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	100%	100%	100%	100%	100%
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	x	x	x	x	x
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử					
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã					
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>					
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>					
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	100%	100%	100%	100%	100%
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	85%	90%	94,7%	97,04%	100%
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>					
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>					
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	85%	90%	94,7%	97,04%	100%
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh					
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	100%	100%	100%	100%	100%
6.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	63	63	63	63	63
6.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	63	63	63	63	63
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)					
6.2.1.	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	20	18	15	20	21
6.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	20	18	15	20	21
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình					
6.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	3797	4386	5	120	21
6.3.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	1221	3932	3	119	21

6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần					
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	398	4386	2148	1806	268
6.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	221	3932	1498	1775	267
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến					
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	0	30	30	30	30
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh</i>	0	30	30	30	30

Phụ lục IX
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2025 của UBND Phường 2)

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1	Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp		Đạt
2	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử		Đạt
3	Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên		Đạt
4	Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử		Đạt
5	Tối thiểu 80% TTHC của các địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến toàn trình hoặc một phần. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%		Đạt
6	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%		Đạt
7	90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời		Đạt
8	80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ		Chưa đạt
9	Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định		
10	Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021		
11	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%		Đạt
12	Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt		

13	Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định		
14	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		Đạt
15	100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc		Đạt
16	100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia		Đạt
17	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương		Đạt
18	80% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại		Đạt
19	100% hệ thống báo cáo của các bộ, ngành, địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia		Đạt
20	Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân		
21	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		Đạt
22	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		
23	100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực		